

THÔNG BÁO

Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2024 bằng phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học và ngành Giáo dục mầm non trình độ cao đẳng năm 2024 ban hành theo Quyết định số 1958/QĐ-BGDĐT ngày 19/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường Đại học Quy Nhơn thông báo ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào (điểm sàn) tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2024 bằng phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024, cụ thể như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	Điểm sàn ĐKXT
1	7140114	Quản lý Giáo dục	A00 ; A01 ; C00 ; D01	15
2	7140201	Giáo dục mầm non	M00	19
3	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00 ; C00 ; D01	20
4	7140205	Giáo dục chính trị	C00 ; C19 ; C20 ; D01	19
5	7140206	Giáo dục thể chất	T00 ; T02 ; T03 ; T05	20
6	7140209	Sư phạm Toán học	A00 ; A01	20
7	7140210	Sư phạm Tin học	A00 ; A01 ; D07	19
8	7140211	Sư phạm Vật lý	A00 ; A01 ; A02	19
9	7140213	Sư phạm Sinh học	B00 ; B08 ; A02	19
10	7140217	Sư phạm Ngữ văn	C00 ; D14 ; D15	20
11	7140218	Sư phạm Lịch sử	C00 ; C19 ; D14	19
12	7140219	Sư phạm Địa lý	C00 ; C20 ; D15	19
13	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	D01	20
14	7140247	Sư phạm Khoa học tự nhiên	A00 ; A01 ; A02 ; B00	19
15	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	C00 ; C19 ; C20	19
16	7220201	Ngôn ngữ Anh	A01 ; D01 ; D14 ; D15	16
17	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	A01 ; D01 ; D04 ; D15	16
18	7229030	Văn học	C00 ; C19 ; D14 ; D15	15
19	7310101	Kinh tế	A00 ; A01 ; D01	15
20	7310205	Quản lý nhà nước	A00 ; C00 ; C19 ; D01	15
21	7310403	Tâm lý học giáo dục	A00 ; C00 ; C19 ; D01	15
22	7310608	Đông phương học	C00 ; C19 ; D14 ; D15	15
23	7310630	Việt Nam học	C00 ; C19 ; D01 ; D15	15
24	7340101	Quản trị kinh doanh	A00 ; A01 ; D01	15
25	7340201	Tài chính – Ngân hàng	A00 ; A01 ; D01	15
26	7340301	Kế toán	A00 ; A01 ; D01	15

27	7340301CLC	Kế toán (CLC)	A00 ; A01 ; D01	15
28	7340302	Kiểm toán	A00 ; A01 ; D01	15
29	7380101	Luật	A00 ; C00 ; C19 ; D01	15
30	7440112	Hóa học (Hóa dược, Hóa mỹ phẩm)	A00; B00; D07; D12	15
31	7440122	Khoa học vật liệu	A00 ; A01 ; A02	15
32	7460112	Toán ứng dụng	A00 ; A01 ; D07 ; D90	15
33	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00 ; A01	15
34	7480109	Khoa học dữ liệu	A00 ; A01 ; D07 ; D90	15
35	7480201	Công nghệ thông tin	A00 ; A01 ; D01	15
36	7480207	Trí tuệ nhân tạo	A00 ; A01 ; D07 ; D90	15
37	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	A00 ; A01	16
38	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	A00 ; B00 ; C02 ; D07	15
39	7510605	Logistics và QL chuỗi cung ứng	A00 ; A01 ; D01	16
40	7520201	Kỹ thuật điện	A00 ; A01 ; D07	15
41	7520207	KT điện tử - viễn thông (Thiết kế vi mạch)	A00 ; A01 ; D07	15
42	7520216	Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa	A00 ; A01 ; D07	15
43	7540101	Công nghệ thực phẩm	A00 ; B00 ; C02 ; D07	15
44	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00 ; A01 ; D07	15
45	7620109	Nông học	B00 ; B03 ; B04 ; C08	15
46	7760101	Công tác xã hội	C00 ; D01 ; D14	15
47	7810103	QTDV du lịch và lữ hành	A00 ; A01 ; D01 ; D14	15
48	7810201	Quản trị khách sạn	A00 ; A01 ; D01	15
49	7850101	QL tài nguyên và môi trường	A00 ; B00 ; C04 ; D01	15
50	7850103	Quản lý đất đai	A00 ; B00 ; C04 ; D01	15

Nơi nhận:

- Đăng website;
- Các thí sinh (để thông báo);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, ĐTDH.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG
PGS. TS. Đoàn Đức Tùng**